

TRƯỜNG TRUNG CẤP BÁCH KHOA SÀI GÒN  
PHÒNG ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

MÔN: TOÁN 10

| TT | Mã SV      | HỌ VÀ TÊN         | Ngày sinh | Mã lớp     | Điểm QT  |      | Điểm TB QT | Điều kiện thi KTM | Điểm TBM Lần 1 |        |      |         |
|----|------------|-------------------|-----------|------------|----------|------|------------|-------------------|----------------|--------|------|---------|
|    |            |                   |           |            | HS1      | HS2  |            |                   | Thi            | TB Môn | KQ1  |         |
|    |            |                   |           |            |          |      | 4,0        |                   | 6,0            |        |      |         |
|    | 1          | 2                 | 3         | 4          | 5        | 6    | 7          | 8                 | 9              | 10     | 11   | 12      |
| 1  | 2213360211 | Trần Ngọc Quỳnh   | Anh       | 19/11/2005 | 02MK14C1 | 10,0 | 9,0        | 9,3               |                | 8,3    | 8,7  | Đạt     |
| 2  | 2213360286 | Mai Huỳnh         | Anh       | 24/5/2006  | 02MK14C1 | 10,0 | 8,0        | 8,7               |                | 6,5    | 7,4  | Đạt     |
| 3  | 2213360304 | Đỗ Trâm           | Anh       | 30/5/2006  | 02MK14C1 | 8,0  | 7,0        | 7,3               |                | 9,0    | 8,3  | Đạt     |
| 4  | 2203360114 | Trần Thái Gia     | Bảo       | 15/03/2005 | 02MK14C1 | 8,0  | 7,0        | 7,3               |                | 7,0    | 7,1  | Đạt     |
| 5  | 2213360180 | Mai Thành         | Công      | 30/03/2005 | 02MK14C1 | 8,0  | 6,0        | 6,7               |                | 0,0    | 2,7  | Thi lại |
| 6  | 2213360092 | Phan Thanh        | Duyên     | 01/01/2006 | 02MK14C1 | 10,0 | 10,0       | 10,0              |                | 10,0   | 10,0 | Đạt     |
| 7  | 2213360133 | Nguyễn Hoàng Nhật | Hào       | 10/05/2006 | 02MK14C1 | 10,0 | 8,0        | 8,7               |                | 8,8    | 8,8  | Đạt     |
| 8  | 2213360230 | Đào Huy           | Hoàng     | 14/7/2004  | 02MK14C1 | 6,0  | 8,0        | 7,3               |                | 0,0    | 2,9  | Thi lại |
| 9  | 2213360253 | Phạm Huy          | Hùng      | 31/8/2006  | 02MK14C1 | 8,0  | 9,0        | 8,7               |                | 0,0    | 3,5  | Thi lại |
| 10 | 2213360316 | Lê Vũ Quỳnh       | Hương     | 30/11/2006 | 02MK14C1 | 8,0  | 7,0        | 7,3               |                | 0,0    | 2,9  | Thi lại |
| 11 | 2213240199 | Trần Phạm Tuấn    | Kiệt      | 13/10/2005 | 02MK14C1 | 10,0 | 7,0        | 8,0               |                | 7,3    | 7,6  | Đạt     |
| 12 | 2213360245 | Nguyễn Quốc       | Khang     | 13/5/2003  | 02MK14C1 |      |            | 0,0               | TBKT           |        | 0,0  | Học lại |

| TT | Mã SV      | HỌ VÀ TÊN            | Ngày sinh  | Mã lớp   | Điểm QT |      | Điểm TB QT | Điều kiện thi KTM | Điểm TBM Lần 1 |        |         |
|----|------------|----------------------|------------|----------|---------|------|------------|-------------------|----------------|--------|---------|
|    |            |                      |            |          | HS1     | HS2  |            |                   | Thi            | TB Môn | KQ1     |
|    |            |                      |            |          |         |      | 4,0        |                   | 6,0            |        |         |
| 28 | 2213360107 | Phùng Ngô Anh Kiệt   | 22/09/2006 | 02TM14C1 | 8,0     | 6,0  | 6,7        |                   | 0,0            | 2,7    | Thi lại |
| 29 | 2213360072 | Lê Quốc Duy Khang    | 31/03/2004 | 02TM14C1 | 6,0     | 6,0  | 6,0        |                   | 0,0            | 2,4    | Thi lại |
| 30 | 2213360126 | Châu Tuấn Khang      | 25/10/2006 | 02TM14C1 | 10,0    | 7,0  | 8,0        |                   | 7,0            | 7,4    | Đạt     |
| 31 | 2213360263 | Đặng Trần Hoàng Linh | 03/01/2004 | 02TM14C1 | 7,0     | 6,0  | 6,3        |                   | 9,5            | 8,2    | Đạt     |
| 32 | 2203360227 | Trần Tuấn Long       | 22/08/2002 | 02TM14C1 |         |      | 0,0        | TBKT              |                | 0,0    | Học lại |
| 33 | 2213360140 | Bùi Đình Đức Nguyên  | 25/08/2004 | 02TM14C1 | 5,0     | 6,0  | 5,7        |                   | 0,0            | 2,3    | Thi lại |
| 34 | 2213360270 | Đặng Khải Phong      | 28/3/2005  | 02TM14C1 | 8,0     | 6,0  | 6,7        |                   | 0,0            | 2,7    | Thi lại |
| 35 | 2213360344 | Trần Ngọc Vĩnh Phúc  | 11/8/2005  | 02TM14C1 | 10,0    | 5,0  | 6,7        |                   | 8,0            | 7,5    | Đạt     |
| 36 | 2213360056 | Thái Quốc Tường      | 27/05/2003 | 02TM14C1 |         |      | 0,0        | TBKT              |                | 0,0    | Học lại |
| 37 | 2213360299 | Lê Hữu Đức           | 27/11/2004 | 02TW14C1 |         |      | 0,0        | TBKT              |                | 0,0    | Học lại |
| 38 | 2213360034 | Trần Kim Hùng        | 14/05/2005 | 02TW14C1 | 10,0    | 10,0 | 10,0       |                   | 10,0           | 10,0   | Đạt     |
| 39 | 2213360108 | Đỗ Minh Quang        | 03/09/2006 | 02TW14C1 |         |      | 0,0        | TBKT              |                | 0,0    | Học lại |
| 40 | 2213360026 | Nguyễn Ngọc Sang     | 04/03/1991 | 02TW14C1 |         |      | 0,0        | TBKT              |                | 0,0    | Học lại |
| 41 | 2213360379 | Trần Trường Thịnh    | 07/7/2005  | 02TW14C1 | 10,0    | 8,0  | 8,7        |                   | 9,0            | 8,9    | Đạt     |
| 42 | 2213360061 | Đinh Tiến Hoàng      | 12/12/2002 | 02DH14C1 | 10,0    | 7,0  | 8,0        |                   | 7,5            | 7,7    | Đạt     |

| TT | Mã SV      | HỌ VÀ TÊN                 |       | Ngày sinh  | Mã lớp   | Điểm QT |      | Điểm TB QT | Điều kiện thi KTM | Điểm TBM Lần 1 |        |         |
|----|------------|---------------------------|-------|------------|----------|---------|------|------------|-------------------|----------------|--------|---------|
|    |            |                           |       |            |          | HS1     | HS2  |            |                   | Thi            | TB Môn | KQ1     |
|    |            |                           |       |            |          |         |      | 4,0        |                   | 6,0            |        |         |
| 58 | 2213360277 | Nguyễn Trường Khánh       | Duyên | 08/3/2005  | 02DS14C1 | 0,0     | 0,0  | 0,0        | TBKT              |                | 0,0    | Học lại |
| 59 | 2213360346 | Nguyễn Minh               | Đức   | 19/01/2005 | 02DD14C1 | 6,0     | 6,0  | 6,0        |                   | 7,5            | 6,9    | Đạt     |
| 60 | 2213360022 | Nguyễn Thu                | Hà    | 18/03/2004 | 02DS14C1 | 6,0     | 5,0  | 5,3        |                   | 0,0            | 2,1    | Thi lại |
| 61 | 2213360362 | Lê Thị Thanh              | Hoa   | 03/01/2001 | 02KT14C1 | 7,0     | 9,0  | 8,3        |                   | 6,5            | 7,2    | Đạt     |
| 62 | 2213360157 | Trần Thị Thu              | Hoài  | 26/07/1993 | 02DS14C1 | 9,0     | 9,0  | 9,0        |                   | 8,5            | 8,7    | Đạt     |
| 63 | 2203360027 | Đặng Thị                  | Huyền | 29/10/1995 | 02DS14C1 | 10,0    | 10,0 | 10,0       |                   | 10,0           | 10,0   | Đạt     |
| 64 | 2213360258 | Phạm Nguyễn Gia           | Hung  | 28/8/2005  | 02DD14C1 | 10,0    | 10,0 | 10,0       |                   | 7,0            | 8,2    | Đạt     |
| 65 | 1213360067 | Trần Như Gia              | Khang | 23/09/2006 | 02KT14C1 | 10,0    | 8,0  | 8,7        |                   | 9,5            | 9,2    | Đạt     |
| 66 | 2213360001 | Quý Công Huyền Tôn Nữ Cúc | Lam   | 31/05/2003 | 02DS14C1 | 0,0     | 0,0  | 0,0        | TBKT              |                | 0,0    | Học lại |
| 67 | 2213360015 | Nguyễn Hoàng              | Long  | 27/03/2000 | 02DD14C1 | 8,0     | 7,0  | 7,3        |                   | 7,5            | 7,4    | Đạt     |
| 68 | 2213360158 | Bùi Ngọc Thiên            | Lý    | 27/08/2006 | 02KT14C1 | 6,0     | 8,0  | 7,3        |                   | 7,0            | 7,1    | Đạt     |
| 69 | 2213360250 | Nguyễn Thị Ngọc           | Mai   | 27/12/2006 | 02DD14C1 | 5,0     | 5,0  | 5,0        |                   | 5,5            | 5,3    | Đạt     |
| 70 | 2213360313 | Trần Văn                  | Minh  | 01/6/2004  | 02YS14C1 | 9,0     | 8,5  | 8,7        |                   | 5,5            | 6,8    | Đạt     |
| 71 | 2213360176 | Mai Bích                  | Ngân  | 07/10/2006 | 02KT14C1 | 0,0     | 0,0  | 0,0        | TBKT              |                | 0,0    | Học lại |
| 72 | 2213360217 | Võ Ngọc Quỳnh             | Như   | 29/01/2006 | 02DD14C1 | 5,0     | 7,0  | 6,3        |                   | 5,0            | 5,5    | Đạt     |

| TT | Mã SV      | HỌ VÀ TÊN              | Ngày sinh  | Mã lớp   | Điểm QT |      | Điểm TB QT | Điều kiện thi KTM | Điểm TBM Lần 1 |        |         |
|----|------------|------------------------|------------|----------|---------|------|------------|-------------------|----------------|--------|---------|
|    |            |                        |            |          | HS1     | HS2  |            |                   | Thi            | TB Môn | KQ1     |
|    |            |                        |            |          |         |      | 4,0        |                   | 6,0            |        |         |
| 88 | 2213360156 | Mai Ngọc Thục Khuê     | 25/02/2006 | 02DD14C1 | 10,0    | 9,0  | 9,3        |                   | 9,5            | 9,4    | Đạt     |
| 90 | 2213360042 | Trần Đức Minh          | 02/12/2002 | 02TW14C1 | 10,0    | 7,0  | 8,0        |                   |                | 3,2    | Thi lại |
| 92 | 1833620086 | Vũ Anh Khoa            | 20/02/2003 | 02TM11C1 | 10,0    | 9,0  | 9,3        |                   | 9,0            | 9,1    | Đạt     |
| 93 | 2203360196 | Nguyễn Hữu Phúc        | 09/04/2005 | 02TM13C1 | 10,0    | 10,0 | 10,0       |                   | 9,5            | 9,7    | Đạt     |
| 94 | 2193360075 | Dương Thị Ngọc Hà      | 28/03/2004 | 02KT12C1 | 10,0    | 8,0  | 8,7        |                   | 8,0            | 8,3    | Đạt     |
| 95 | 2193360232 | Trần Ngọc Mỹ Duyên     | 26/03/2004 | 02DL12C1 | 8,0     | 8,0  | 8,0        |                   | 9,0            | 8,6    | Đạt     |
| 96 | 2193360109 | Ngô Thị Tuyết Minh     | 12/04/2001 | 02KT14C1 | 10,0    | 8,0  | 8,7        |                   | 10,0           | 9,5    | Đạt     |
| 97 | 2193360165 | Trương Thị Thủy Tiên   | 24/11/2001 | 02KT13C1 | 10,0    | 8,0  | 8,7        |                   | 9,5            | 9,2    | Đạt     |
| 98 | 2203360210 | Phạm Nguyễn Khánh Linh | 12/06/2005 | 02DS13C2 | 10,0    | 9,0  | 9,3        |                   | 8,0            | 8,5    | Đạt     |